

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HSST
Ngày 13 tháng 01 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN TỈNH THANH HÓA
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Anh

2. Ông Phạm Văn Thường

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ hình sự thụ lý số 111/2021/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109 /2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/HSST- QĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 đối với.

*> Bị cáo: Đỗ Như B - Sinh năm 1995; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Như L và bà Bùi Thị D; Vợ con: chưa có; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 30/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong 06/12/2020.

Nhân thân:

Ngày 11/4/2014 bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 23/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/8/2021 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

*> Những người bị hại:

1. Anh Trần Lưu C, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Lê Khắc S, sinh năm 1998

Địa chỉ: Khu N, thị trấn X, huyện T, tỉnh Thanh

3. Anh Lê Đức Q, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970

Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

5. Anh Trịnh Văn C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ N khu 11, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa

6. Anh Lê Quang Tuấn A, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

7. Anh Trương Ngọc L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà N, đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

*> Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Lưu M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh

2. Anh Vũ Văn Ch, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn X, Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh

3. Anh Lê Đức D, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

4. Anh Đỗ Văn Ngh, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

5. Chị Tạ Thị Thúy M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

7. Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà N, đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

8. Anh Lê Đình B, sinh năm 1993

9. Chị Trần Thị L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Người làm chứng: Anh Nguyễn Trọng D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Bị hại anh S, anh Q, anh C có đơn xin xử án vắng mặt, những người bị hại khác đều vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, ông M, bà T đều có đơn xin xử án vắng mặt, những người khác đều vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoản thời gian từ ngày 01/6/2021 đến ngày 20/8/2021 bị cáo đã thực hiện các hành vi Trộm cắp tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người ở nhiều địa bàn cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 01/6/2021, bị cáo gọi điện cho bị hại anh Trần Lưu C đến quán trà chanh “Bụi Phố” ở thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân uống nước, anh Cường đi xe mô tô BKS: 36D1- 08643 của ông Trần Lưu M (bố anh C) đến gặp bị cáo, khi cả hai đang nói chuyện thì bị cáo hỏi mượn xe của anh C để đi mua đồ ăn, anh C đồng ý và đưa xe cho bị cáo đi, bị cáo điều khiển xe theo hướng chợ Phú Thọ, thị trấn Thọ Xuân và nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên đi xe đến nhà chị Trần Thị L, ở phố N, thị trấn T cầm cố lấy 3.000.000đ tiêu xài cá nhân. Ngày 27/9/2021 Hội đồng định giá trong tổ tụng UBND huyện Thọ Xuân kết luận chiếc xe mô tô BKS:36D1-08643 trị giá 5.580.000đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 03/6/2021, bị cáo đến quán cắt tóc của bị hại Lê Khắc S cắt tóc, sau khi cắt tóc xong bị cáo hỏi mượn xe của bị hại đi có tí việc, do bị cáo là khách quen nên bị hại đồng ý và đưa xe mô tô BKS: 36D1-588.33 cho bị cáo mượn, sau khi mượn được xe bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đi xe đến nhà anh Vũ Văn Ch, ở thôn X, xã T, huyện T để lại xe và vay số tiền 8.000.000đ tiêu xài cá nhân, ngày 14/6/2021 anh Ch giao nộp chiếc xe trên cho Công an. Hội đồng định giá trong tổ tụng UBND huyện Thọ Xuân kết luận chiếc xe mô tô BKS: 36D1-588.33 trị giá 14.000.000đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 15/6/2021, bị cáo đi bộ trên quốc lộ 47 đoạn qua xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân thì gặp bị hại Lê Đức Q đang điều khiển xe máy Hon da BKS 36D1: 316.28 của bố là ông Lê Đức D, do quen biết từ trước nên bị cáo xin đi nhờ và được anh Q đồng ý, khi đi đến thôn Khải Đông, xã Khải Hòa, huyện Thọ Xuân, bị cáo mượn xe anh Q để vào trại cá của gia đình ở xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, anh Q đồng ý và đưa xe cho bị cáo đi, trên đường vào trại cá bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên đi xuống khu vực tượng đài Lê Lợi ở thành phố Thanh Hóa, bán chiếc xe của anh Q cho một người đàn ông không quen biết với

giá 3.000.000đ tiêu xài cá nhân. Ngày 27/9/2021, Hội đồng định giá trong tổ tụng UBND huyện Thọ Xuân kết luận chiếc xe mô tô BKS: 36D1-316.28 trị giá 9.000.000đồng.

Lần thứ tư: Chiều ngày 05/7/2021, bị cáo đến nhà anh Nguyễn Trọng D, ở thôn D, xã Đ, huyện T chơi và ở lại, đến 19 giờ cùng ngày anh D lấy xe máy BKS: 36B2-039.28 của bà Nguyễn Thị L (mẹ anh D) chở bị cáo đến thấp hương cho bạn, khi về đến nhà, anh D để xe ở sân và vào nhà tắm, bị cáo mượn điện thoại OPPOA37 của bà L ngồi xem phim, quan sát thấy bà L nằm trong nhà, anh D thì đang trong nhà tắm, chìa khóa xe đang cắm ở ổ khóa nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe và điện thoại, nên lấy xe máy xe đi về hướng thành phố Thanh Hóa, trên đường đi bị cáo vứt điện thoại mượn của bà L dọc đường, đến sáng ngày 07/7/2021 bị cáo đến nhà anh Lê Văn B, ở thôn T, xã L, huyện H, nhờ anh B dẫn đi cầm cố xe, anh B dẫn bị cáo đến nhà anh Đỗ Văn Ngh, ở thôn Đ, xã C, huyện H cầm cố được 7.000.000đ, bị cáo tiêu xài cá nhân. Ngày 27/7/2021 anh Ngh giao nộp chiếc xe BKS: 36B2-039.28 cho Công an huyện Triệu Sơn. Ngày 18/8/2021 Hội đồng định giá trong tổ tụng UBND huyện Triệu Sơn kết luận, chiếc xe mô tô BKS: 36B2-039.28 trị giá 5.100.000đồng, đối với chiếc điện thoại OPPOF7 không đủ cơ sở định giá nên Hội đồng định giá từ chối định giá.

Lần thứ năm: Cuối tháng 7/2021, bị cáo đến nhà bị hại Trịnh Văn C, ở tổ 2, khu N, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa chơi và ở lại, thấy anh C có điện thoại OPPO F7 và xe mô tô BKS: 36F5-138-28 nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt, chiều ngày 30/7/2021 bị cáo mượn điện thoại OPPO F7 của anh C để sử dụng nhưng không trả lại, đến khoảng 20 giờ cùng ngày bị cáo nhờ anh C chở đi rút tiền được anh C đồng ý, khi anh C dắt xe BKS: 36F5-138-28 ra cổng, quay vào khóa cửa thì bị cáo ngồi lên xe rồi nói với anh C để bị cáo chở đi, khi đi đến khu vực ngã ba thuộc khu phố 5, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, bị cáo nói với anh C vào mua cho bị cáo lọ nước cất, khi anh C đang mua nước cất thì bị cáo điều khiển xe mô tô BKS: 36F5-138-28 cùng với chiếc điện thoại mượn trước đó đến thành phố Thanh Hóa, bán chiếc điện thoại cho 1 người đàn ông không quen biết với giá 1.500.000đồng, sau đó đi xe về huyện Thọ Xuân tìm nơi tiêu thụ, ngày 31/7/2021, bị cáo đi xe máy đến quán Karaoke Phố N, ở xã X, huyện Thọ Xuân hát và uống bia hết 7.000.000đồng nhưng không có tiền trả nên để lại xe mô tô BKS: 36F5-138-28, hẹn khi nào có tiền quay lại lấy. Ngày 04/10/2021 chị Tạ Thị Thúy M, chủ quán Karaoke Phố N giao nộp cho Công an thị xã Bỉm Sơn chiếc xe mô tô BKS: 36F5-138-28. Ngày 06/9/2021 Hội đồng định giá trong tổ tụng UBND thị xã Bỉm Sơn kết luận 01 điện thoại OPPO F7 trị giá 1.500.000đ và ngày 01/11/2021 Hội đồng định giá trong tổ tụng UBND thị xã Bỉm Sơn kết luận, chiếc xe mô tô BKS:

36F5-138-28 trị giá 22.250.000đồng.

Lần thứ sáu: Do quyen biết từ trước nên ngày 11/8/2021 bị cáo đến nhà anh Lê Quang Tuấn A, ở xóm T, xã V, huyện T chơi và ngủ lại, sáng ngày 12/8/2021, bị cáo lấy lý do đi lấy nợ tiền rồi nhờ anh Tuấn A chở đi lấy tiền, anh Tuấn A, mượn xe mô tô BKS 36B6- 847.56 của mẹ là bà Nguyễn Thị T để chở bị cáo xuống trước cửa nhà số 159, Lê Lai, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tại đây bị cáo mượn xe và nói với anh Tuấn A đứng đợi để bị cáo vào ngõ đổi điện lấy nợ, nhưng bị cáo không đi lấy nợ mà mang xe đến bán cho anh Lê Minh Đ, ở số nhà N, đường L, phường Đ, thành phố Thanh Hóa với giá 21.000.000đ, anh Đ đưa trước cho bị cáo 6.000.000đ và hẹn 10 ngày sau đến lấy số tiền còn lại, nhưng bị cáo không quay lại lấy tiền, số tiền 6.000.000đ bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Hội đồng định giá trong tổ tụng UBND thành phố Thanh Hóa kết luận, chiếc xe mô tô BKS: 36B6- 847.56 trị giá 20.000.000đồng.

Lần thứ bảy: Khoảng 16 giờ ngày 20/8/2021, bị cáo đi trên đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, mục đích xem nhà ai sơ hở để trộm cắp tài sản, khi đến trước cửa nhà anh Trương Ngọc L, ở số nhà N đường H, thấy 1 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 36B6-793.58 của anh L để trước nhà, chìa khóa cắm ở ổ khóa, bị cáo đi vào nổ máy rồi đi xe đến nhà anh Lê Văn B, ở thôn X, xã T, huyện T cầm cố lấy số tiền 2.000.000đ tiêu xài cá nhân, ngày 25/9/2021 anh Bình giao nộp chiếc xe cho Công an thành phố Thanh Hóa, tại bản kết luận định giá tài sản ngày 30/9/2021 Hội đồng định giá trong tổ tụng UBND thành phố Thanh Hóa kết luận, chiếc xe Honda Wave BKS 36B6-79358 trị giá 10.000.000đồng.

Vật chứng: Xe mô tô Honda Wave BKS 36B6-793.58, xe mô tô BKS 36B6-847.56, xe mô tô BKS: 36F5- 138-28, xe BKS: 36B2- 039.28 và xe mô tô BKS: 36D1-588.33 đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Về dân sự:

Bị hại: Anh Trịnh Văn C đã nhận lại xe BKS: 36F5-138.28 yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại OPPO F7 trị giá 1.500.000đồng.

Anh Lê Khắc S, đã nhận lại xe BKS: 36D1- 588.33, anh Trương Ngọc L đã nhận lại xe BKS: 36B6-793.58, bà Nguyễn Thị L đã nhận lại xe BKS: 36B2- 039.28, anh Lê Quang Tuấn A nhận lại xe BKS: 36B6 - 84746, đều không yêu cầu giải quyết phần dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Đức D yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 9.000.000đồng, anh Đỗ Văn Ngh yêu cầu bồi thường tiền cầm cố và tiền sửa xe tổng 9.000.000đồng, anh Lê Minh Đ yêu cầu trả lại số tiền 6.000.000đồng, chị Tạ Thị Thúy M yêu cầu trả lại số tiền nợ hát

7.000.000đồng, ông Trần Lưu M yêu cầu bồi thường số tiền 5.580.000đồng, anh Vũ Văn Ch yêu cầu trả lại số tiền cầm cố 8.000.000đồng.

Bà Nguyễn Thị T, anh Lê Đình B, bà Trần Thị L không yêu cầu giải quyết phần dân sự.

Cáo trạng số 01/CT-VKS – TS ngày 06/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đã truy tố bị cáo về các tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 và tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự (BLHS)

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174 , điểm a khoản 1 Điều 175 và điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS cho tất cả các tội, đề tuyên bố bị cáo phạm các tội “Trộm cắp tài sản” “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đề nghị xử phạt bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 33 đến 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 30 đến 33 tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt các tội buộc bị cáo phải chấp hành chung các tội từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, tính từ ngày tạm giữ tạm giam, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường

Ông Trần Lưu M giá trị chiếc xe là 5.580.000đồng, anh Trịnh Văn C giá trị điện thoại OPPO F7 trị giá 1.500.000đồng

Ông Lê Đức D giá trị chiếc xe 9.000.000đồng, anh Đỗ Văn Ngh, số tiền cầm cố 7.000.000đồng, anh Lê Minh Đ số tiền cầm cố 6.000.000đ, chị Tạ Thị Thúy M số tiền nợ hát 7.000.000đồng. anh Vũ Văn Ch số tiền cầm cố 8.000.000đồng, không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền sửa xe của ông Ngh là 2.000.000đồng, vì không có căn cứ.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và luận tội của viện kiểm sát, không tranh luận gì, nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại, người liên quan số tiền đã chiếm đoạt như luận tội của Kiểm sát viên đề nghị, lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm

quyền trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng đều không có khiếu nại, tố cáo gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện thể hiện trong hồ sơ điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: Do cần tiền ăn chơi tiêu xài nên từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 8 năm 2021, bị cáo đã 07 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người, nhiều địa bàn khác nhau bằng các hành vi trộm cắp, lừa đảo và lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Về hành vi trộm cắp tài sản:

Lần thứ nhất: Ngày 06/7/2021, bị cáo đến nhà bà Nguyễn Thị L, ở xã Đ, huyện T chơi với anh D con trai bà L, là bạn nghiện với bị cáo trước đây, lợi dụng sơ hở của bà L và anh D, bị cáo đã trộm cắp của bà L, 01 xe mô tô BKS 36B2- 039.28 trị giá 9.000.000đồng đem cầm cố cho anh Đỗ Văn Ngh lấy 7.000.000đồng, tiêu xài cá nhân

Lần thứ hai: Ngày 28/8/2021, bị cáo đi lang thang trên đường Hải Thượng Lãn Ông mục đích xem ai sơ hở để trộm cắp, nhìn thấy trước cửa nhà số 41, đường Hải Thượng Lãn Ông có 01 xe mô tô Wave BKS 36B6-793, có sẵn chìa khóa điện, không có người trông coi, bị cáo trộm cắp 01 xe mô tô Wave BKS 36B6-793, trị giá 10.000.000đồng của anh Trương Ngọc L đem cầm cố cho anh Lê Đình B, ở xã M, huyện T lấy 2.000.000đồng, ăn tiêu cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt bằng hành vi trộm cắp là 19.000.000đồng.

Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 30/7/2021 tại khu phố 5, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Trịnh Văn C, sinh năm 1976 ở tổ 2, khu phố x, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa 01 xe mô tô Honda BKS 36F5- 138.28 trị giá 22.250.000đồng và 01 điện thoại OPPO F7 trị giá 1.500.000đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của anh Cương là 23.750.000đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 12/8/2021, do quen biết với anh Tuấn A từ trước nên bị cáo đến nhà anh Tuấn A ở xã V chơi, mục đích lừa đảo tài sản, giả vờ nhờ anh Tuấn A chở đi đòi nợ, anh Tuấn A mượn xe BKS: 36B6- 847.56 của mẹ là bà Nguyễn Thị T, chở bị cáo đến nhà số 159, phố Lê Lai, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, để lấy nợ, tại đây bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Tuấn A 01 xe mô tô BKS 36B6- 847-56 trị 20.000.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt bằng hành vi lừa đảo là 43.750.000đồng

Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 01/6/2021, do quen biết anh C từ trước nên bị cáo gọi anh C đến quán trà chanh Bùi phố, ở thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân,

uống nước, anh C đi xe mô tô BKS: 36D1- 086-43, của ông Trần Lưu M (bố anh C) đến quán, tại đây khi đang uống nước bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên hỏi mượn xe mô tô BKS: 36D1- 086-43 của anh C, trị giá 5.580.000đồng của anh C, nói dối là đi mua đồ ăn, nhưng sau đó mang đi cầm cố cho chị Trần Thị L, ở thị trấn T lấy 3.000.000đồng ăn tiêu cá nhân.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 03/6/2021, tại quán cắt tóc Hải sự, ở thị trấn Thọ Xuân, bị cáo đã có hành vi mượn của anh Lê Khắc S, ở xã X, huyện T 01 xe máy BKS: 36D1- 588.33 trị giá 14.000.000đồng, nói dối đi có tý việc sau đó mang xe đến cầm cố cho anh Vũ Văn Ch, ở thôn Y, xã T, huyện T lấy 8.000.000đồng tiêu xài cá nhân.

Lần thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 14/6/2021, tại thôn Khải Đông, xã Khải Hòa, huyện Thọ Xuân, bị cáo đã có hành vi mượn của anh Lê Đức Q, ở thôn Lê Nghĩa 2, xã X, huyện T 01 xe mô tô BKS: 36D1-316.28 trị giá 9.000.000đồng, rồi mang xuống khu vực tượng đài Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa, bán cho một người đàn ông không quen biết lấy 3.000.000đồng, tiêu xài cá nhân, tổng giá trị tài sản lừa đảo chiếm đoạt là 28.580.000đồng.

Tổng số tiền bị cáo bán và cầm cố số tài sản chiếm đoạt lấy số tiền là 37.500.000đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của người những bị hại, người liên quan, người làm chứng, phù hợp với tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa và phù hợp với nội dung Cáo trạng. Như vậy Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành lợi dụng sự sơ hở không có người trông coi tài sản bị cáo đã 02 lần trộm cắp của bà Nguyễn Thị L, ở thôn Đ, xã Đ 01 xe máy BKS 36B2-039.28 trị giá 9.000.000đ và trộm cắp của anh Trương Ngọc L, ở số nhà X, đường H, phường Đ thành phố Thanh Hóa 01 xe mô tô Wave BKS: 36B6 -793.58 trị giá 10.000.000đ, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 19.000.00đồng, hành vi chiếm đoạt này của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bằng hình thức nói dối rồi chiếm đoạt của anh Trịnh Văn C, khu phố 11, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa 01 xe mô tô Honda BKS: 36F5-138.28 trị giá 22.250.000đồng và 01 điện thoại OPPO F7 trị giá 1.500.000đồng, chiếm đoạt của anh Lê Quang Tuấn A, ở thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa 01 xem máy BKS 36B6- 847-56 trị 20.000.000đồng. Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 2 lần, mỗi lần đều trên 2 triệu đồng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 43.750.000đồng, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174

BLHS.

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của bị hại, bị cáo đã ba lần mượn tài sản là xe máy của các bị hại rồi đem bán, cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, như ngày 01/6/2021, bị cáo mượn của anh Trần Lưu C, ở khu 6, thị trấn T, huyện T 01 xe mô tô BKS: 36D1- 086.43 trị giá 5.580.000đồng, mang đi cầm cố cho chị Trần Thị L, ở thị trấn T lấy 3.000.000đồng, ngày 03/6/2021, mượn của anh Lê Khắc S, ở xã X, huyện T 01 xe mô tô BKS: 36D1- 588.33 trị giá 14.000.000đồng mang đến cầm cố cho anh Vũ Văn Ch, ở thôn X, xã T, huyện T lấy 8.000.000đồng, ngày 14/6/2021, mượn của anh Lê Đức Q, sinh năm 1995, ở thôn L, xã Xg, huyện T 01 xe mô tô BKS: 36D1-316.28 trị giá 9.000.000đồng, bán cho một người đàn ông không quen biết lấy 3.000.000đồng, tổng giá trị tài sản lừa đảo chiếm đoạt là 28.580.000đồng.

Hành vi ba lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 175 BLHS.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Vì mục đích tư lợi và bằng các hành vi lén lút, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, bị cáo đã 7 lần chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng số tiền chiếm đoạt là 91.330.000đồng, bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần, của nhiều người ở nhiều địa phương khác nhau. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của nhiều người, gây mất trật tự trị an xã hội ở nhiều địa phương khác nhau, nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 7 lần, trong đó hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, mỗi lần đều trên 2 triệu đồng, là phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS cho tội trộm cắp tài sản; Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần, mỗi lần đều trên hai triệu đồng, là phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS cho tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 03 lần, mỗi lần đều chiếm đoạt tài sản giá trị trên 4 triệu đồng, là phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS cho tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Ngoài ra ngày 30/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, mới chấp hành xong ngày 06/12/2020, chưa hết thời hiệu bị coi là không bị xử lý hành chính nên là tiền sự.

+ Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn

khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS, nên được xem xét áp dụng cho bị cáo.

+ Về nhân thân:

Ngày 11/4/2014, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo đã chấp hành xong bản án này.

Ngày 23/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong bản án này.

Xét thấy: Bản thân bị cáo đang có tiền sự và nhân thân đã hai lần bị xét xử cùng về tội chiếm đoạt tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu sửa bản thân mà lại tiếp tục phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần, điều này thể hiện tính bất chấp, coi thường pháp luật, nên cần đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả tương xứng với từng tội danh rồi tổng hợp hình phạt các tội danh theo quy định tại Điều 55 BLHS, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ sức cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với các bị hại: Lê Khắc S, Nguyễn Thị L, anh Lê Quang Tuấn A và Trương Ngọc L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với: Bị hại Trần Lưu C là bị hại nhưng không trực tiếp yêu cầu bồi tại sản bị chiếm đoạt vì tài sản bị chiếm đoạt thuộc sở hữu của ông Trần Lưu M, nên ông Mạnh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt là 5.580.000đồng, anh Trịnh Văn C đã nhận lại xe, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc điện thoại chiếm đoạt là 1.500.000đồng.

Bị hại Lê Đức Q, bị chiếm đoạt bị chiếm đoạt 01 xe mô tô trị giá 9.000.000đồng, nhưng không trực tiếp yêu cầu bồi thường vì chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt thuộc sở hữu của ông Lê Đức D, ông D yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt là 9.000.000đồng.

Đối với có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Văn Ngh yêu cầu trả lại số tiền (9 triệu đồng) gồm tiền cầm cố xe 7 triệu đồng và 2 triệu tiền sửa xe; anh Đạt yêu cầu trả lại số tiền bán xe là 6 triệu đồng, chị Tạ Thị Thúy M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền hát 7.000.000đồng, nhưng người liên quan khác không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Xét yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại OPPO F7 của bị hại Trần Lưu C, ngoài hành vi lừa đảo xe máy, bị cáo con lừa đảo của anh C 01 điện thoại OPPO F7 trị giá 1.500.000đồng, chưa bồi thường nên phải bồi thường cho anh C.

Xét yêu cầu bồi thường của người liên quan ông Trần Lưu M, bị cáo đã lừa đảo của anh Trần Lưu C (con ông M) 01 xe mô tô BKS: 36D1.08643 của chủ sở hữu ông Trần Lưu M trị giá 5.580.000đồng, anh C không trực tiếp yêu cầu bồi thường nhưng ông M là chủ sở hữu chiếc xe, nên là người liên quan, bị cáo chưa bồi thường nên phải bồi thường bằng giá trị định giá là 5.580.000đồng cho ông M là có căn cứ.

Xét yêu cầu bồi thường của người liên quan ông Lê Đức D: Ngày 14/6/2021 bị cáo đã lừa đảo của anh Lê Đức Q (con trai ông D) 01 xe máy BKS 36D1- 31628, trị giá 9.000.000đồng, anh Q không trực tiếp yêu cầu bồi thường nhưng ông D là chủ sở hữu chiếc xe, yêu cầu bồi thường là có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe cho ông D là 9 triệu đồng.

Xét yêu cầu bồi thường của người liên quan anh Đỗ Văn Ngh. Anh Ngh yêu cầu bị cáo có bồi thường số tiền cầm cố là 7.000.000đ và 2.000.000đ tiền đã sửa xe, tổng là 9.000.000đ, đối với số tiền cầm cố bị cáo đã nhận của anh Ngh 7.000.000đồng chưa trả lại, khi nhận cầm cố xe, anh Ngh không biết là tài sản trộm cắp nên không có lỗi và đã giao nộp xe cho Công an, buộc phải trả lại cho anh Ngh số tiền 7.000.000đ là có căn cứ, về số tiền 2.000.000đ sửa xe anh Ngh yêu cầu bồi thường, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của người liên quan anh Lê Minh Đ, yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bán xe 6.000.000đ, khi mua xe của bị cáo anh Đ không biết là xe trộm cắp nên không có lỗi và đã giao nộp cho Công an, nên buộc bị cáo phải trả lại cho anh Đ số tiền 6.000.000đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả lại 7.000.000đ của chị Tạ Thị Thúy M, khi bị cáo vào quán Karaoke của chị M hát và uống bia, rượu hết 7.000.000đồng, không có tiền trả nên đã để lại chiếc xe, khi nhận xe chị M không biết là xe trộm cắp nên không có lỗi và đã giao nộp cho Công an, bị cáo chưa trả lại số tiền này nên buộc bị cáo phải trả lại cho chị M số tiền 7.000.000đồng là có căn cứ.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ quan tố tụng xác định được là khi mua và nhận cầm cố xe, điện thoại của bị cáo đều không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có lỗi.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Như B phạm tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt bị cáo 21(hai một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1, Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Như B, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo 33(Ba ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Như B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo 33 (Ba ba) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của nhiều tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các tội là 07 (Bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 27/8/2021). Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 136, 331, 333, 336 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 36.080.000đ (Ba mươi sáu triệu, không trăm, tám mươi nghìn đồng) cụ thể:

Bồi thường cho anh Trịnh Văn C, giá trị chiếc điện thoại OPPO F7 bị chiếm đoạt là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

Bồi thường cho ông Lê Đức D chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 9.000.000đ (Chín triệu đồng)

Bồi thường cho ông Trần Lưu M, giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt là 5.580.000đ (năm triệu, năm trăm, tám mươi nghìn đồng)

Trả lại cho anh Lê Minh Đ số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) trả lại cho chị Tạ Thị Thúy M số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), Trả lại cho anh Đỗ Văn Ngh số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Như B phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.804.000đ án phí dân sự sơ thẩm, cộng hai khoản phải nộp là 2.004.000đ.(Hai triệu không trăm lẻ tư nghìn đồng)

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Bị cáo, bị hại, người LQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Hợp